

Bản án số: 200/2018/DS-ST
Ngày: 11-10-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hùng

Ông Đỗ Sơn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Yến là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú

Trong ngày 11 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 116/2017/TLST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2017 về việc Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1966

2. Bà Lý Thị P, sinh năm 1966

Cùng cư trú: Ấp BT, xã BC, huyện CP, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Phước H, sinh năm 1987 ngụ cùng địa chỉ với ông Đ, bà P là đại diện theo giấy ủy quyền lập ngày 08 tháng 8 năm 2018 (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng V, sinh năm 1983 nơi cư trú: ấp BP, xã BC, huyện CP, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1982 nơi cư trú: ấp BP, xã BC, huyện CP, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 5 năm 2017 nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Lý Thị P trình bày: Ông Nguyễn Hồng V và bà Nguyễn Thị N có vay của ông, bà 40.000.000 đồng theo hai biên nhận ngày 17/05/2016 vay 20.000.000 đồng và

ngày 10/7/2016 vay 20.000.000 đồng, lãi suất trả hàng tháng là 2,5%/tháng, còn trả theo vụ lúa 3%/tháng. Ông V, bà N có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 745,7m² đất trồng ở, tọa lạc xã BC, huyện CP, tỉnh An Giang số CH03248 cấp ngày 05/5/2014. Sau khi vay, ông V bà N có đóng lãi biên nhận ngày 17/5/2016 đến ngày 10/7/2016, còn biên nhận ngày 10/7/2016 thì chưa trả lãi. Nay ông Đ, bà P yêu cầu ông Vân, bà Nương trả lại tiền vay 40.000.000đ và trả lãi kể từ ngày vay đến nay theo lãi suất quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông V là bị đơn, bà N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông V, bà N vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Vân, bà Nương theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án: Ông Đ, bà P yêu cầu vợ chồng ông V, bà N trả tiền vay theo hai biên nhận nợ ngày 17/5/2016 20.000.000 đồng, ngày 10/7/2017 20.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật. Ông V, bà N đã được tổng đạt thông báo về yêu cầu khởi kiện nhưng không có ý kiến, xem như mặc nhiên thừa nhận có nợ số tiền 40.000.000 đồng theo đơn kiện của ông Đ, bà P. Tuy nhiên, hai biên nhận chỉ thể hiện ông V là người ký vay tiền, không có tên bà N, do đó chỉ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với ông V trả tiền vay, không có cơ sở buộc bà N cùng trả tiền. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn thừa nhận 20.000.000 đồng vay theo biên nhận ngày 17/5/2016 đã nhận lãi trước 01 tháng vào ngày vay nên góc phía trên bên trái có ghi ngày 17/6/2016 và sau khi vay ông V trả lãi thêm 01 tháng, mỗi tháng là 500.000 đồng, tiền lãi của khoản vay này đã trả được 1.000.000 đồng; còn 20.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 10/7/2016 đã trả lãi trước vào ngày vay 01 tháng là 500.000 đồng nên phía trên bên trái biên nhận có ghi ngày 10/8/2016. Từ khi vay đến nay đã hơn hai năm nhưng ông V không trả tiền vay nên ông Đ bà P khởi kiện yêu cầu trả vốn vay 40.000.000 đồng và lãi là có căn cứ được chấp nhận. Về tiền lãi, hai bên thỏa thuận lãi vay 3%/tháng là cao hơn quy định nên cần thiết phải điều chỉnh theo mức lãi quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 có mức lãi bằng 1,5 lần lãi suất cơ bản 9%/năm (Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) từ ngày làm biên nhận đến ngày xét xử. Số tiền lãi được tính như sau:

- Biên nhận ngày 17/5/2016: 20.000.000đ x 13,5%/năm x 02 năm 04 tháng 24 ngày = 6.480.000 đồng.

- Biên nhận ngày 10/7/2018: 20.000.000đ x 13,5%/năm x 02 năm 03 tháng 01 ngày = 6.082.000 đồng.

Ông Đ, bà P đã nhận tiền lãi của hai khoản vay là $1.000.000đ + 500.000đ = 1.500.000$ đồng nên được trừ vào lãi. Ông V còn phải trả lãi: $6.480.000 + 6.082.000 = 12.562.000 - 1.500.000 = 10.062.000$ đồng.

Như vậy, ông V có nghĩa vụ trả cho ông Đ và bà P tiền vốn 40.000.000 đồng, lãi 11.062.000 đồng, tổng cộng 51.062.000 đồng.

Ông V thế chấp cho ông Đ, bà P 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03248 cấp ngày 05/5/2014 do ông Vân đứng tên để bảo đảm trả tiền vay. Việc thế chấp hai bên không lập hợp đồng thế chấp bằng văn bản có chứng thực hoặc công chứng của cơ quan có thẩm quyền và chưa được đăng ký thế chấp nên không có hiệu lực pháp luật. Ông Đ, bà P có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vân.

[3] Về án phí:

Ông V phải chịu 2.553.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đ, bà P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Lý Thị P về hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Hồng V có nghĩa vụ trả ông Nguyễn Văn Đ và bà Lý Thị P vốn vay 40.000.000 đồng và tiền lãi 11.062.000 đồng, tổng cộng 51.062.000 (Năm mươi một triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Đ, bà P có đơn yêu cầu thi hành án, ông V không thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 368 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền vốn tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Ông Đ, bà P có nghĩa vụ trả lại cho ông V 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03248 do Ủy ban nhân dân huyện CP cấp ngày 05/5/2014.

Ông V phải chịu 2.553.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đ, bà P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại ông Đ, bà P 1.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số 0016987 ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Ông V, bà N vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thế Văn